CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 01/2026/CBHQ/TN/LA VIE

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH LA VIE**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 027 23511801 Fax: 0272 3511740

E-mail: VNInfo@laviewater.com

CÔNG BỐ:

Sản phẩm: **NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE KHÔNG GA**

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).

Quy cách đóng gói: Đóng chai với các thể tích thực 350 ml; 400 ml; 450 ml; 500 ml; 700 ml; 1,5 L; 5 L; 18,5 L; 19 L và các quy cách khác như được sản xuất và công bố trong Bản tự công bố sản phẩm tương ứng tại từng thời điểm.

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:

QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

Thông tin bổ sung:

- Thông tư 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/04/2026 của Bộ Khoa Học và Công Nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Kết quả tự đánh giá hợp quy của Công ty TNHH La Vie số 01/2026/CBHQ/TN/LA VIE, ngày 09/11/2026.

- Phiếu kết quả thử nghiệm số Q326A088925 (MTTN26012572.01) ngày 31/07/2026 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3.

- Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 1 - Thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa.

Loại hình đánh giá:

+ Tự đánh giá: Theo báo cáo tự đánh giá hợp quy số 01/2026/CBHQ/TN/LA VIE, ngày 09/11/2026 của Công ty TNHH La Vie.

Cam kết: Công ty TNHH La Vie cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga do công ty sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng.

Tây Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2026

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

M.S.D.N: 1100101187 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE - T. TÂY NINH - VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Hào

CÔNG TY TNHH LA VIE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2026/CBHQ/TN/LA VIE	*Tây Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

1. **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LA VIE**

   Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

   Điện thoại: 027 23511801 Fax: 0272 3511740

2. **Tên sản phẩm: NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE KHÔNG GA**

   Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).

   Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

3. **Địa điểm, ngày đánh giá:**
   Địa điểm: Công ty TNHH La Vie
   Ngày đánh giá: 09/11/2026
4. **Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:**

   QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

5. **Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:**

   Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (Quatest 3).

6. **Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:**

6.1. Phương thức đánh giá:

Phương thức 1: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa

6.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:

- Các chỉ tiêu phân tích đối với mẫu nước thử nghiệm theo yêu cầu tại QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

- Kết quả thử nghiệm chất lượng Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga theo phiếu kiểm nghiệm số Q326A088925 (MTTN26012572.01) ngày 31/07/2026 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3.

CÁC CHỈ TIÊU HÓA HỌC

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 6-1:2010/BYT	Kết quả kiểm nghiệm (*)	Đánh giá
1	Stibi	mg/l	≤ 0,005	Không phát hiện (LOD = 0,003)	Đạt
2	Arsen	mg/l	≤ 0,01	0,001	Đạt

3	Bari	mg/l	≤ 0,7	0,07	Đạt
4	Bor	mg/l	≤ 5	0,04	Đạt
5	Cadmi	mg/l	≤ 0,003	Không phát hiện (LOD = 0,0005)	Đạt
6	Crom	mg/l	≤ 0,05	Không phát hiện (LOD = 0,003)	Đạt
7	Đồng	mg/l	≤ 1	Không phát hiện (LOD = 0,01)	Đạt
8	Cyanid	mg/l	≤ 0,07	Không phát hiện (LOD = 0,005)	Đạt
9	Fluorid	mg/l	– [2] (≤ 1)	0,4	Đạt
10	Chì	mg/l	≤ 0,01	Không phát hiện (LOD = 0,003)	Đạt
11	Mangan	mg/l	≤ 0,4	Không phát hiện (LOD = 0,01)	Đạt
12	Thủy ngân	mg/l	≤ 0,001	Không phát hiện (LOD = 0,0002)	Đạt
13	Nickel	mg/l	≤ 0,02	Không phát hiện (LOD = 0,003)	Đạt
14	Nitrat, tính theo ion nitrat	mg/l	≤ 50	Không phát hiện (LOD = 0,1)	Đạt
15	Nitrit, tính theo ion nitrit	mg/l	≤ 0.1	Không phát hiện LOD = 0,02)	Đạt
16	Selen	mg/l	≤ 0,01	Không phát hiện (LOD = 0,003)	Đạt
17	Các chất hoạt động bề mặt	mg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,05)	Đạt
18	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và PCB (polyclo biphenyl)				
18.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,05)	Đạt
18.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,1)	Đạt
18.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamate	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,7)	Đạt
18.4	Dư lượng thuốc trừ cỏ (ngoài trừ MCPA)	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,7)	Đạt
18.5	Dư lượng thuốc trừ cỏ (MCPA)	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,3)	Đạt
18.6	Hàm lượng PCB (polyclo biphenyl)	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,02)	Đạt
19	Dầu khoáng	mg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,1)	Đạt
20	Các hydrocarbon thơm đa vòng	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,2)	Đạt

CÁC CHỈ TIÊU VI SINH VẬT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 6-1:2010/BYT	Kết quả kiểm nghiệm	Đánh giá
1	E. coli hoặc coliform chịu nhiệt	CFU/250ml	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào	< 1 (*)	Đạt
2	Coliform tổng số	CFU/250ml	Nếu số vi khuẩn ≥ 1 và ≤ 2 thì kiểm tra lần thứ hai. Nếu số vi khuẩn > 2 thì loại bỏ	< 1 (*)	Đạt
3	Streptococci feacal	CFU/250ml		< 1 (*)	Đạt
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250ml		< 1 (*)	Đạt
5	Bào tử vi khuẩn kị khí khử sulfit	CFU/50ml		< 1 (*)	Đạt

– [2]: Theo điểm b, khoản 2.3.3, mục 2 của quy chuẩn QCVN 6-1:2010/BYT.
– [3]: Phải nhỏ hơn giới hạn định lượng quy định của phương pháp thử tương ứng.
(*) Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm.

7. Kết luận:

Sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

8. Cam kết:

Công ty TNHH La Vie cam kết chất lượng sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

Người đánh giá
(ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Tuấn Dũng

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

M.S.D.N: 1100101187 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE - T. TÂY NINH - VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Hào

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A088925 (MTTN26012572.01)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	31/07/2026 Trang/ *Page:* 1/10

1. Tên mẫu : **NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE 350mL (rPET)**
Thời gian lấy mẫu: 06h49, 16/07/2026

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: chai nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 350 mL x 30
- Xem hình kèm theo

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 21/07/2026

5. Thời gian thử nghiệm : 21/07/2026 - 31/07/2026

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE**
Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Nguyễn Hoàng Linh

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A088925
(MTTN26012572.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/07/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng bicarbonate (HCO_3^-)	mg/L	SMEWW 2320B:2023	320	-
7.2	Hàm lượng canxi (Ca)	mg/L	SMEWW 3120B:2023	14,0	-
7.3	Hàm lượng iốt	mg/L	QTTN/KT3 209:2020 (ref:US EPA 200.8)	KPH	0,002
7.4	Hàm lượng kali (K)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	2,34	-
7.5	Hàm lượng magie (Mg)	mg/L	SMEWW 3120B:2023	4,58	-
7.6	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	106	-
7.7	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	345	-
7.8	Độ pH	-	TCVN 6492:2011	8,2	-
7.9	Hàm lượng stibi (Sb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.10	Hàm lượng asen (As)	mg/L	US EPA 200.8	0,001	-
7.11	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA 200.8	0,07	-
7.12	Hàm lượng borat tính theo bor (B)	mg/L	US EPA 200.8	0,04	-
7.13	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.14	Hàm lượng crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.15	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.16	Hàm lượng cyanid (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.17	Hàm lượng fluorid (F^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,4	-

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A088925
(MTTN26012572.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/07/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.18	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.19	Hàm lượng mangan (Mn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.20	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.21	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.22	Hàm lượng nitrat (NO_3^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,1
7.23	Hàm lượng nitrit (NO_2^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02
7.24	Hàm lượng selen (Se)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.25	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH	0,05
7.26	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.26.1	Aldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.2	HCB	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.3	4,4'-DDD	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.4	4,4'-DDE	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.5	4,4'-DDT	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.6	dieldrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A088925
(MTTN26012572.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/07/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.26.7	α-endosulfan	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.8	β-endosulfan	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.9	Endosulfan-sulfate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.10	Endrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.11	α-HCH	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.12	β-HCH	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.13	γ-HCH	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.14	δ-HCH	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.15	Heptachlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.16	Heptachlor-epoxide	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26.17	Methoxychlor	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A088925
(MTTN26012572.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/07/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.27	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.27.1	Permethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.27.2	Cypermethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.27.3	Fenvalerate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.27.4	Deltamethrin	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.28	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamate	-	US EPA 8321B	-	-
7.28.1	Oxamyl	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.2	Methomyl	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.3	Aldicarb	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.4	Carbofuran	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.5	Carbaryl	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.6	Propoxur	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.7	Isoprocarb	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.8	Methiocarb	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.9	Imidacloprid	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.10	Thiabendazole	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.11	Carbendazime	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.12	Aldicarb sulfone	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.13	Aldicarb sulfoxide	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: [illegible] Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A088925
(MTTN26012572.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/07/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.28.14	Fenobucarb	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.29	Dư lượng thuốc trừ cỏ	-	US EPA 8321B	-	-
7.29.1	2,4,5-T	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.29.2	2,4-D	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.29.3	2,4-DB	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.29.4	Dichloprop (2,4-DP)	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.29.5	Fenoprop	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.29.6	MCPA	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.29.7	Mecoprop (MCPP)	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.29.8	Fipronil	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.29.9	Bentazone	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.30	Hàm lượng polychlorinated biphenyls (PCBs)	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.30.1	PCB-18	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.2	PCB-28	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.3	PCB-31	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.4	PCB-44	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.5	PCB-52	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: [illegible] - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC [illegible] Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A088925
(MTTN26012572.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/07/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.30.6	PCB-101	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.7	PCB-118	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.8	PCB-138	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.9	PCB-149	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.10	PCB-153	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.11	PCB-170	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.12	PCB-180	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.13	PCB-194	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30.14	PCB-209	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.31	Hàm lượng dầu khoáng	mg/L	ISO 9377-2:2000	KPH	0,1
7.32	Hàm lượng hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs)	µg/L	SMEWW 6440C:2023	-	-
7.32.1	Acenaphthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1192 D2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A088925
(MTTN26012572.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/07/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.32.2	Acenaphthylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.3	Anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.4	Benzo(a)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.5	Benzo(a)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.6	Benzo(b)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.7	Benzo(k)fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.8	Benzo(g,h,i)perylene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.9	Chrysene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.10	Dibenzo(a,h)anthracene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.11	Fluoranthene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.12	Fluorene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.13	Indeno(1,2,3-c,d)pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.14	Naphthalene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.15	Phenanthrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32.16	Pyrene	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A088925
(MTTN26012572.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/07/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.33	Coliforms	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1(c)	-
7.34	Escherichia coli	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1(c)	-
7.35	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250mL	ISO 16266:2006	< 1(c)	-
7.36	Enterococci (Streptococci faecal)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000 (QCVN 06-1:2010/BYT)	< 1(c)	-
7.37	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia)	CFU/50mL	ISO 6461-2:1986	< 1(c)	-

Ghi chú:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- KPH: Không phát hiện
- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ❸ 1396 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A088925
(MTTN26012572.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

31/07/2026



1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.